

Số: 157 /BC-STNMT

Thanh Hoá, ngày 5 tháng 7 năm 2019

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016  
của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
đối với công tác BVMT đến năm 2020, định hướng đến năm 2025  
(Tài liệu báo cáo HĐND tại kỳ họp thứ 9, Khóa XVII)**

### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

#### 1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết

##### 1.1. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết

Ngay sau khi Nghị quyết số 05-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh được ban hành; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 135/KH-UBND ngày 15/9/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU (gọi tắt là Kế hoạch số 135/KH-UBND); trong đó, giao Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được BCH Đảng bộ tỉnh quyết nghị.

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành, các đơn vị đã khẩn trương tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch hành động, nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ được giao; lồng ghép nội dung Nghị quyết trong từng văn bản triển khai, từng chương trình, từng dự án; phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện triển khai Nghị quyết.

Sau gần 03 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết đã đi vào đời sống xã hội, và hành động của từng cấp ủy, chính quyền địa phương và mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động; tạo động lực thi đua phấn đấu hoàn thành có hiệu quả nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết đề ra.

##### 1.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về bảo vệ môi trường

Trên cơ sở Nghị quyết số 05-NQ/TU, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố đã khẩn trương tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết đến 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

Công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường (BVMT) được các đơn vị chủ động thực hiện thường xuyên thông qua các văn bản chỉ đạo và các hoạt động BVMT như: Tháng hành động vì môi trường, Hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam; Kế hoạch hưởng ứng Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn...; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Thanh Hoá, Báo Văn hoá và Đời sống, Báo Tài nguyên và Môi



trường, Báo Lao động và Xã hội mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến kiến thức và pháp luật về BVMT, đưa tin biểu dương những gương tốt, việc tốt, phản ánh trung thực những cơ sở, doanh nghiệp, địa phương chưa thực hiện nghiêm Luật BVMT; phối hợp với 15 ban, ngành, đoàn thể tiếp tục được duy trì và thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp hành động BVMT phục vụ phát triển bền vững; biên soạn tài liệu và tổ chức nhiều lớp tập huấn về tài nguyên và môi trường và an toàn thực phẩm cho đối tượng là cán bộ phòng tài nguyên và môi trường cấp huyện, lãnh đạo UBND và cán bộ địa chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Sau gần 03 năm triển khai thực hiện, tinh thần Nghị quyết đã đi vào nếp sống của người dân; BVMT trở thành công tác thường xuyên, lồng ghép trong mọi hoạt động của từng đơn vị, ngành và địa phương; tạo ra phong trào thi đua sôi nổi, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu mà Nghị quyết đã đề ra.

### ***1.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường***

Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), đề án BVMT được tổ chức một cách chặt chẽ, đúng quy định. Từ năm 2016 đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt 390 báo cáo ĐTM và 154 phương án cải tạo phục hồi môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường được ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh xác nhận đăng ký 207 kế hoạch BVMT; kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình BVMT cho 21 dự án; kiểm tra 40 đề án BVMT chi tiết; cấp 54 sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho các đơn vị phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh; Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN được ủy quyền của UBND tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt 82 báo cáo ĐTM, xác nhận 75 Kế hoạch BVMT, xác nhận hoàn thành công trình BVMT cho 24 dự án; UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thẩm định, xác nhận 2035 bản kế hoạch BVMT và đề án BVMT đơn giản theo thẩm quyền.

Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước về BVMT theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh, từng bước đem lại những kết quả khả quan. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh được đổi mới có trọng tâm, trọng điểm gắn với những vấn đề bức xúc từ thực tiễn. Từ năm 2016 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện tiến hành kiểm tra trên 500 cơ sở, doanh nghiệp; qua kiểm tra đã xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT đối với 72 cơ sở với tổng số tiền phạt hơn 3,992 tỷ đồng; Ban QLKKT Nghi Sơn và các KCN kiểm tra, giám sát môi trường 10 cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong KKT và KCN; Công an tỉnh kiểm tra xử lý vi phạm 180 vụ việc với tổng số tiền phạt là 5,138 tỷ đồng.

Công tác xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã và đang triển khai có hiệu quả. Đến nay, đã có 35/82 cơ sở (12 điểm tồn lưu hóa chất BVTV và 23 bệnh viện) hoàn thành xử lý ô nhiễm và được rút ra khỏi danh mục

cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đối với các khu vực tồn lưu hoá chất BVTX sau khi được xử lý triệt để đã bàn giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng đất vào các mục đích công ích, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Công tác quan trắc chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, đất, nước mặt, nước dưới đất được duy trì thực hiện hằng năm (6 lần/năm); các số liệu quan trắc được cập nhật thường xuyên phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về BVMT của tỉnh và bổ sung số liệu cho Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia.

#### **1.4. Bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm**

##### **1.4.1. BVMT khu vực đô thị**

Hiện nay, Thanh Hóa có 01 đô thị loại I (*thành phố Thanh Hóa*), 02 đô thị loại III (*thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn*) và 28 đô thị loại V.

Đến nay, có 03 đô thị (*thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn và thị xã Bỉm Sơn*) đã được đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải tập trung, bước đầu đưa vào vận hành giải quyết phần nào tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt; tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đến năm 2018 ước đạt 91% (*mục tiêu năm 2020 là 95%*).

Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ghi nhận nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của toàn tỉnh đạt 83,6%; trong đó tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị (các phường, thị trấn) đạt 84,4% (*mục tiêu năm 2020 là 91%*).

Công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư vào các KCN, CNN, làng nghề, khu sản xuất tập trung theo quy hoạch NTM tại các xã được UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện để rà soát, thống kê và đưa vào danh sách các cơ sở cần di dời. Qua rà soát có 443 cơ sở trong diện phải di dời theo quy hoạch NTM tại các xã và dự kiến hoàn thành vào năm 2025.

Công tác xử lý rác thải và nước thải y tế đạt được những kết quả khả quan: Sở Y tế chủ trì, đầu tư thực hiện nhiều dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp và vận hành các hệ thống xử lý nước thải cho 07 bệnh viện; đầu tư lắp đặt Cụm xử lý CTR y tế tập trung theo công nghệ hấp ứot, diệt khuẩn kết hợp nghiền cắt tại 09 bệnh viện. Với mô hình xử lý theo cụm này, chất thải y tế nguy hại từ các trạm y tế tại các xã cũng được đưa về bệnh viện có lắp đặt các công trình này để xử lý, đảm bảo yêu cầu về môi trường.

##### **1.4.2. Bảo vệ môi trường khu vực nông thôn**

Hiện nay, 71,7% dân số của tỉnh sống ở khu vực nông thôn thuộc địa bàn hành chính của 569 xã. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn, chất lượng môi trường sống đã và đang

được cải thiện đáng kể. Đến nay, 94,4% tổng dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; 73,8% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh.

Công tác kiểm soát việc sử dụng phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp cũng đang được các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện và các đơn vị thông tin truyền thông, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội phối hợp thực hiện bằng nhiều hình thức tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật, phổ biến pháp luật giúp nâng cao nhận thức, ý thức của các đối tượng tham gia sản xuất, kinh doanh phân bón để người dân có thông tin cần thiết cho việc lựa chọn và sử dụng phân bón đảm bảo chất lượng; thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón hữu cơ và các phân bón khác.

Các trang trại, gia trại chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp gắn với BVMT, theo thống kê có khoảng 52,7% trang trại, gia trại có công trình xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn thú y và hạn chế ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh.

Đối với rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn, các địa phương đã thành lập các tổ thu gom và xử lý rác thải; vận động các hộ gia đình vùng sâu, vùng xa tự thu gom, phân loại và xử lý rác tại hộ gia đình bằng các hình thức đốt, chôn lấp. Tỷ lệ xử lý thu gom, chất thải rắn nông thôn đến năm 2018 đạt 79,5% (vượt mục tiêu năm 2020 là 75%).

#### *1.4.3. Bảo vệ môi trường các KKT, KCN, CCN, làng nghề*

Trên địa bàn tỉnh có 01 Khu kinh tế (*Khu kinh tế Nghi Sơn*), 08 Khu công nghiệp (*KCN Lễ Môn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, KCN Bim Sơn, KCN Hoàng Long, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Thạch Quảng, KCN Bãi Trành và KCN Ngọc Lặc*) và 70 Cụm công nghiệp. Tính đến hết năm 2018, Khu kinh tế Nghi Sơn đã thu hút được 89 cơ sở, doanh nghiệp vào hoạt động, 05 KCN thu hút được 334 cơ sở, doanh nghiệp; 40/70 CCN, có 297 cơ sở, doanh nghiệp đầu tư và đi vào hoạt động; 10/70 CCN cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng, hiện có 86 doanh nghiệp vào đầu tư (tỷ lệ lấp đầy 75,48%). Việc thực hiện các quy định về BVMT trong các KKT, KCN, CCN trên địa bàn tỉnh đang được thực hiện nghiêm túc với sự tham gia, phối hợp của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 10785/UBND-NN ngày 21/9/2016.

Đến nay, KCN Lễ Môn đã hoàn thiện và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.300m<sup>3</sup>/ngày.đêm và đã có 100% các dự án đầu tư thứ cấp đầu nối nước thải vào hệ thống; hệ thống xử lý nước thải KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga có công suất cho cả hai giai đoạn là 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đang trong giai đoạn hoàn thiện và do Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN quản lý giai đoạn 1 và Công ty Fuhucorp quản lý giai đoạn 2; hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nam khu A - KCN Bim Sơn có công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và do Công ty Fuhucorp làm chủ đầu tư; hệ thống xử lý nước thải CCN Thiệu Dương có công

suất 577 m<sup>3</sup>/ngày.đêm nhưng chưa hoạt động ổn định do thành phố Thanh Hóa quản lý. Các KCN, CCN tuy chưa có khu xử lý chất thải rắn (CTR) tập trung, nhưng chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại và thu gom, xử lý theo đúng quy định như: Chất thải có khả năng tái chế (*phế liệu kim loại, giấy, nhựa, gỗ*) được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; sử dụng làm nhiên liệu đốt phát điện (*bã mía của nhà máy đường*); tái sử dụng làm phân bón (*bã men, chất thải thực phẩm*); sản xuất bột cá (*phế phụ phẩm chế biến hải sản*). Chất thải rắn công nghiệp khác được hợp đồng với Công ty có chức năng để thu gom và xử lý. Chất thải rắn sinh hoạt hợp đồng với các đơn vị thu gom rác thải vận chuyển đi xử lý. Tỷ lệ thu gom CTR tại các KCN ước đạt trên 95%. Chất thải nguy hại các doanh nghiệp thu gom và ký hợp đồng với các đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 155 làng nghề và làng có nghề (*trong đó có 69 làng nghề được công nhận*) hoạt động trong các lĩnh vực như chiếu cói Nga Sơn, trồng đồng Đông Sơn, nước mắm Ba Làng, bánh gai Tứ Trụ, chè lam Phủ Quảng, cơ khí Tiến Lộc, chế biến hải sản Tĩnh Gia, sinh vật cảnh Như Thanh... Các cơ sở hộ gia đình trong làng nghề được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về môi trường, đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, đầu tư các công trình xử lý chất thải theo Văn bản số 5834/STNMT-BVMT ngày 23/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Các làng nghề được công nhận đã thành lập được Tổ tự quản về BVMT, rác thải đã được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý. Đến nay, có 8 làng nghề (*làng nghề chế biến đá xã Đông Thăng, huyện Triệu Sơn; làng nghề chế biến đá xẻ xã Hà Tân; làng nghề xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân; làng nghề xã Hà Phong, huyện Hà Trung; làng nghề xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc; làng nghề xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc; làng nghề xã Thăng Long, huyện Nông Cống; làng nghề xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia*) đã được cấp kinh phí xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải; 03 làng nghề (*làng nghề xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa; xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia*) được cấp kinh phí xây dựng hệ thống thoát nước thải từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017, 2018 và 2019 (*tổng kinh phí là 19,2 tỷ đồng*). Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã hỗ trợ tài chính xây dựng đường giao thông, hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải cho làng nghề cơ khí xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc (*tổng kinh phí là 8,366 tỷ đồng*); hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cho Cụm làng nghề ươm tơ dệt nhiều Hồng Đô, huyện Thiệu Hóa với công suất thiết kế 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (*tổng kinh phí là 21,025 tỷ đồng*).

#### 1.4.4. Bảo vệ môi trường các khu du lịch

Tỉnh Thanh Hóa có hơn 1.500 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, trong đó có 548 di tích được xếp hạng (*134 di tích xếp hạng quốc gia và 414 di tích xếp hạng cấp tỉnh*). Hiện nay, có gần 785 cơ sở lưu trú với trên 30.150 phòng;

trong đó, có 197 khách sạn 1 - 5 sao với 12.373 phòng (chiếm 41% tổng số phòng tại tất cả các cơ sở). Hạ tầng cơ sở tại một số khu, điểm có tài nguyên du lịch như: Sầm Sơn, Hải Hòa, Hải Tiến, khu di tích lịch sử Lam Kinh, Thành nhà Hồ, Suối cá Cẩm Lương, khu du lịch Văn hóa Hàm Rồng... được quan tâm đầu tư, cải tạo nâng cấp góp phần thay đổi diện mạo và khả năng thu hút khách. Giai đoạn 2017 - 2018, đã có 21 dự án hạ tầng cơ sở du lịch được triển khai với tổng dự toán được phê duyệt là 3.572 tỷ đồng; 100% dự án này đều lập hồ sơ môi trường theo quy định, đặc biệt là tích hợp các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu và tính đến kịch bản nước biển dâng.

Công tác quy hoạch du lịch đã được triển khai kịp thời, chất lượng được nâng lên rõ rệt, có sự gắn kết giữa các ngành và vùng lãnh thổ, gắn với BVMT. Số quy hoạch phát triển du lịch tính tới thời điểm hiện tại là 44 quy hoạch, tổng kinh phí là hơn 106 tỷ đồng; 100% số quy hoạch đều được thực hiện đánh giá môi trường chiến lược và được công bố rộng rãi để các doanh nghiệp và người dân tìm hiểu cơ hội đầu tư.

Các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn lợi sinh vật, du lịch gắn với cộng đồng được quan tâm phát triển trở thành sản phẩm du lịch mũi nhọn, thân thiện với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. Tính đến nay, có 02 đề án phát triển loại hình du lịch sinh thái cộng đồng và hơn 8 đề án phát triển du lịch cộng đồng địa phương đã được lập và bước đầu triển khai.

Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở các khu du lịch nói chung đã được quan tâm đi vào nề nếp: 90% các cơ sở kinh doanh dịch vụ đã ban hành và thực hiện tốt các quy chế về BVMT, trong đó có công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; 100% các cơ sở lưu trú du lịch và cơ sở kinh doanh ăn uống đã có cam kết vệ sinh an toàn thực phẩm. Các cơ sở du lịch quy mô lớn như Quần thể sân golf và khu nghỉ dưỡng FLC, Vạn Chài resort, khách sạn Mường Thanh, khách sạn Lam Kinh, khách sạn Central, khách sạn Vinpearl,... đều đã đầu tư công trình vệ sinh công cộng, hệ thống thu gom và xử lý nước thải và chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường; áp dụng mô hình giảm thiểu chất thải, tái sử dụng và tái chế chất thải (3R), sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; qua đó góp phần giảm cường độ phát thải khí nhà kính tại các khu, điểm du lịch.

UBND các huyện, thị xã và thành phố đã ban hành và thực hiện tốt các quy chế về BVMT tại hầu hết các khu, điểm du lịch, các khu di tích; xây dựng được nhiều mô hình quần chúng tham gia BVMT ở các xã, phường, thị trấn; tổ chức thực hiện hiệu quả cuộc vận động thực hiện BVMT tại các khu, điểm du lịch, các điểm tổ chức lễ hội, các khu di tích trên địa bàn tỉnh.

### ***1.5. Bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính***

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ, bảo tồn động vật hoang dã; quản lý, bảo vệ các khu rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc và khôi phục rừng ngập mặn được tăng cường. Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 28/01/2016; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 21/11/2013. Từ năm 2016 đến nay, trung bình trên 10.000 ha rừng được trồng mới; tỷ lệ che phủ rừng đã được nâng từ 49% vào năm 2010 lên 53,03% vào năm 2017 và duy trì ổn định ở mức này; diện tích rừng ngập mặn năm 2017 là 967,53ha, tăng 485,73 ha so với năm 2015 (481,8ha).

Các dự án nhà máy điện từ nguồn năng lượng tái tạo được ưu tiên đầu tư. Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 dự án điện mặt trời đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: Dự án Nhà máy điện mặt trời tại xã Yên Thái, huyện Yên Định có công suất 30MW (nay đã đi vào hoạt động); dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc giai đoạn 1 (công suất 45MW); dự án Nhà máy điện mặt trời Thanh Hóa I tại KKT Nghi Sơn (công suất 160MW); một số dự án như dự án Nhà máy điện mặt trời Cẩm Thủy, dự án điện mặt trời Thọ Xuân, dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lặc cũng đang được khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch.

### ***1.6. Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; các hệ thống sông, suối, hồ, đập, kênh, mương; xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải nguy hại***

BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản đang được tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm ngăn chặn và chấn chỉnh kịp thời hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, gây xói lở bờ sông, thay đổi dòng chảy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân. UBND tỉnh đã phê duyệt đề cương Dự án khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở để từng bước khoanh vùng các khu vực khai thác phục vụ cho hoạt động quốc phòng, an ninh và ngăn ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa; bảo vệ rừng đặc dụng, công trình hạ tầng; từ năm 2016 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các ngành tăng cường tổ chức các đợt kiểm tra đột xuất hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, đã yêu cầu các huyện, xã tổ chức kiểm điểm đối với tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm, có biện pháp xử lý, ngăn chặn các hoạt động

khai thác khoáng sản trái phép; các đơn vị khai thác khoáng sản hiện tại đã thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định; tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong từ năm 2016 đến nay là 30,949 tỷ đồng, đây là nguồn kinh phí cần thiết đảm bảo khôi phục môi sinh, môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác.

Hoạt động BVMT hệ thống sông, kênh, ao hồ được đẩy mạnh. Nhiều vụ việc vi phạm pháp luật BVMT được phát hiện và xử lý triệt để trong các năm từ năm 2016 đến nay, kết quả cụ thể như: Buộc Công ty CP Mía đường Hòa Bình phải khắc phục hậu quả sự cố cá chết trên chiều dài 58km sông Bưởi, huyện Thạch Thành và bồi thường hơn 1,783 tỷ đồng cho nhân dân 15 xã của huyện Thạch Thành; Đình chỉ hoạt động 03 tháng và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT với số tiền là 160 triệu đồng đối với Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tuấn Vinh do xả nước thải gây sự cố cá chết trên sông Âm, huyện Lang Chánh và huyện Ngọc Lặc; Xử phạt 1,37 tỷ đồng với Công ty TNHH Giày Aleron Việt Nam, Công ty TNHH Giày RollSport Việt Nam do xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn gây ra sự cố cá chết trên sông Goòng, huyện Hoằng Hóa. Các sự cố cá lồng chết trên sông Bạng, sự việc cá chết tại hồ xử lý nước thải của Công ty CP Bia Thanh Hóa, sự việc Công ty Đầu tư và Du lịch Hải Tiến xả nước thải ra môi trường chưa qua xử lý; Sự cố cháy sinh học từ bồn chứa rỉ mật tại Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan cũng đã được xử lý, khắc phục kịp thời.

Ngày 16/3/2018, UBND các tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình và Sơn La đã thống nhất ký kết Quy chế phối hợp bảo vệ nguồn nước và môi trường lưu vực sông Mã, sông Bưởi vùng giáp ranh giữa ba tỉnh. Đây là cơ sở để các tỉnh, ngành chức năng có thêm căn cứ pháp lý và nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước, môi trường lưu vực các sông.

Hoạt động thủy điện trên hệ thống các sông lớn cũng được rà soát, đánh giá thường xuyên. Hằng năm, đã tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá ảnh hưởng đến môi trường của 14 dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các chủ đầu tư lập hệ thống camera quan trắc, chế độ quan trắc, giám sát theo dõi xả nước, an toàn đập hạ du.

Công tác quản lý chất thải nguy hại trong các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, y tế, nghiên cứu khoa học được duy trì và tăng cường. Từ năm 2016 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp 342 Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh CTNH; việc đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại giúp các cơ quan quản lý về môi trường nắm bắt được thông tin về doanh nghiệp và quy trình xử lý chất thải nguy hại tại doanh nghiệp theo quy định.

Tính đến nay, đã có 35/82 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (đạt 42,68%, vượt mục tiêu năm 2020 là 40%).



### **1.7. Ban hành các cơ chế, chính sách và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường**

Nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh hỗ trợ triển khai các dự án đầu tư khu xử lý CTR sinh hoạt. Đến nay, đã có 24 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; trong đó, có 19/24 khu xử lý đang hoạt động, phần nào giảm thiểu lượng CTR sinh hoạt đang có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Giai đoạn 2017 - 2018, UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ đốt cho 03 địa phương là thị xã Bim Sơn (số tiền hỗ trợ kinh phí xử lý năm 2017, 2018 là 7,085 tỷ đồng), huyện Như Thanh (số tiền hỗ trợ kinh phí xử lý năm là 2,688 tỷ đồng) và huyện Quảng Xương (số tiền hỗ trợ kinh phí xử lý năm 2017, 2018 là 1,950 tỷ đồng); hỗ trợ xử lý CTR giai đoạn 2018-2020 cho 07 xã, thị trấn thuộc địa bàn Khu đô thị thị trấn Tĩnh Gia mở rộng với tổng số tiền 4,133 tỷ đồng.

Hiện tại, có 05 dự án khu xử lý CTR tập trung; trong đó, đang triển khai 01 dự án (Khu liên hợp xử lý CTR tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn); 03 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Khu xử lý CTR tại xã Trường Lâm (giai đoạn 2), huyện Tĩnh Gia; khu xử lý CTR tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn và khu liên hợp xử lý CTR tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy); 01 dự án đang nghiên cứu lựa chọn nhà đầu tư (Khu liên hợp xử lý CTR tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân).

Ngân sách của tỉnh ưu tiên chi cho sự nghiệp môi trường được cân đối tăng dần mức chi theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế: 2,1% đã chi trong năm 2017 (tương đương 413 tỷ đồng trong tổng ngân sách 19.633 tỷ đồng của tỉnh), vượt mức tối thiểu Trung ương quy định (mức tối thiểu là 1%). Việc kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho BVMT; quy định mức chi cho BVMT theo tỉ lệ vốn đầu tư của các dự án, góp phần tăng hiệu quả của công tác BVMT.

Ngày 4/7/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND về mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### **1.8. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KHCN vào BVMT**

Khoa học và công nghệ triển khai ứng dụng rộng rãi trong công tác BVMT. Từ năm 2016-2018, UBND tỉnh đã phê duyệt 07 nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào BVMT với tổng kinh phí là 11,924 tỷ đồng; trong đó, ngân sách sự nghiệp khoa học là 6,633 tỷ đồng, kinh phí đơn vị thực hiện là 5,291 tỷ đồng.

Công nghệ thông tin và viễn thông trong lĩnh vực môi trường cũng bước đầu được quan tâm đầu tư. Dự án hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa đang trong quá trình thực hiện; theo đó, sau khi hoàn thành, hệ thống thông tin tài nguyên môi trường được triển khai đồng bộ, hiện đại, chuẩn hóa trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác giám sát các cơ sở sản xuất có nguồn thải lớn, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

### ***1.9. Thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế BVMT***

Nhằm thu hút nguồn lực cho BVMT, việc hợp tác với các cơ quan phát triển, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã được tăng cường trong thời gian qua. Trong 02 năm (2017, 2018), toàn tỉnh đã có 16 dự án Phi chính phủ nước ngoài hỗ trợ cho các địa phương khó khăn trong lĩnh vực BVMT với tổng vốn cam kết là 1.684.000USD; 11 biên bản ghi nhớ hợp tác với các doanh nghiệp Cộng hòa liên bang Đức, Cộng hòa Pháp trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo, xử lý chất thải.

Thành lập Tổ công tác và tổ chức hội nghị nắm bắt thông tin về tình hình triển khai thực hiện các dự án xây dựng Nhà máy thủy điện trên dòng sông Mã tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, trên cơ sở đó UBND tỉnh sẽ phối hợp với tỉnh Hòa Phăn trong việc khai thác, sử dụng, BVMT dòng sông Mã.

### ***2. Kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TU***

Theo số liệu thống kê từ các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố, sau gần 03 năm thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU và triển khai Kế hoạch hành động số 135/KH-UBND của UBND tỉnh, nhiều chỉ tiêu đã đạt hoặc vượt mục tiêu đề ra đến năm 2020, cụ thể:

- Tỷ lệ thu gom, xử lý CTR nông thôn đạt 79,5% (mục tiêu năm 2020 là 75%);

- 100% các dự án đầu tư về sản xuất, cơ sở hạ tầng mới có hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (mục tiêu năm 2020 là 100%);

- 100% cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường (mục tiêu năm 2020 là 100%);

- Số xã có công trình xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 58,6% (mục tiêu năm 2020 là 50%);

- Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đạt 42,68% (mục tiêu năm 2020 là 40%);

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,03% (mục tiêu năm 2020 là 53%);

- Diện tích rừng ngập mặn tính đến năm 2017 là 976,53ha, tăng 494,73ha so với năm 2015.

Một số chỉ tiêu bước đầu đạt kết quả tốt, có triển vọng đạt mục tiêu đặt ra năm 2020, cụ thể:

- Tỷ lệ thu gom, xử lý CTR đô thị đạt 84,4% (mục tiêu năm 2020 là 91%).

- Tỷ lệ đô thị đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung: 60% (mục tiêu năm 2020 là 70%);

- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 98% (mục tiêu năm 2020 là 100%);

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi ở nông thôn có chuồng trại hợp vệ sinh đạt 52,7% (mục tiêu năm 2020 là 55%);

- Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 73,8% (mục tiêu năm 2020 là 75%);
- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 73% (mục tiêu năm 2020 là 80%);
- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch theo chuẩn mới đạt 91% (mục tiêu năm 2020 là 95%);
- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh 94,4% (mục tiêu năm 2020 là 95%);
- Tỷ lệ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án có tính đến các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đạt 75% (mục tiêu năm 2020 là 80%).

Bên cạnh những kết quả đạt được đáng ghi nhận nêu trên, một số chỉ tiêu đạt được kết quả thấp cần có quyết tâm cao trong thời gian còn lại mới có thể hoàn thành được mục tiêu Nghị quyết đề ra như:

- Trong tổng số 70 CCN trên địa bàn tỉnh, chỉ có CCN Thiệu Dương (thành phố Thanh Hóa) có hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng hoạt động chưa ổn định; các CCN còn lại chưa có hệ thống thoát nước chung và trạm xử lý nước thải tập trung, các cơ sở nhìn chung đều tự xử lý và thải trực tiếp ra môi trường.
- Tỷ lệ các KCN xây dựng mới có hệ thống XLNT tập trung đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn về môi trường chỉ đạt 12,5% (mục tiêu năm 2020 là 50%): Chỉ có KCN Lễ Môn trong tổng số 08 KCN xây dựng hệ thống XLNT tập trung đáp ứng được các yêu cầu về BVMT; KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga đã xây dựng hệ thống XLNT tập trung nhưng chưa vận hành; Nam Khu A - KCN Bim Sơn đã xây dựng và vận hành thử nghiệm 01 modul XLNT tập trung; KCN Hoàng Long đã được UBND tỉnh chấp thuận không xây dựng hệ thống XLNT tập trung; các KCN hiện chưa đầu tư xây dựng hệ thống XLNT.
- Trong số 155 làng nghề và làng có nghề, hiện mới có 07 làng nghề đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung.

### **3. Kết quả triển khai thực hiện dự án theo Kế hoạch số 135/KH-UBND**

Nhiều dự án đã và đang được triển khai, góp phần đẩy mạnh công tác BVMT trên địa bàn tỉnh:

- Về công tác tuyên truyền, hằng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa, Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật về BVMT; triển khai chương trình phối hợp hành động BVMT phục vụ phát triển bền vững giữa các đơn vị; xây dựng các chương trình thông tin chuyên đề phục vụ nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT và biến đổi khí hậu với tổng kinh phí trong 3 năm từ 2016 đến 2018 là 10,740 tỷ đồng.

- Đối với nhóm dự án nâng cao năng lực, hiệu quả QLNN về môi trường, một số dự án đang bước đầu được triển khai như: Dự án tăng cường năng lực

quan trắc môi trường cho Trung tâm quan trắc và BVMT của tỉnh đã hoàn thành với kinh phí là 10,744 tỷ đồng. Hằng năm, dự án quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh được triển khai định kỳ và hiệu quả; kinh phí trung bình mỗi năm là 4,388 tỷ đồng. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định tại Khu kinh tế Nghi Sơn và một số khu vực trọng điểm của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán tại Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 với số tiền duyệt chi là 63,448 tỷ đồng và hiện nay đã cơ bản lắp đặt xong đang chạy thử nghiệm.

- Trong 02 năm 2017 và 2018, UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí các dự án xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ đốt cho 03 địa phương là thị xã Bim Sơn, huyện Như Thanh và huyện Quảng Xương với tổng kinh phí hỗ trợ là 11,723 tỷ đồng.

- Trong số các dự án về chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính, Dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đang được trình phê duyệt; UBND tỉnh đã phê duyệt và cấp kinh phí đối ứng nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia "Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen dược liệu Lan gấm (*Anoetochilus formosanus Hayata*) tại Thanh Hóa và một số tỉnh Bắc Trung Bộ" tại Quyết định số 4317/QĐ-UBND ngày 03/11/2016; phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình "Thí điểm trồng và cải tạo, nâng cấp chất lượng rừng trồng theo hướng chuyển từ rừng luồng thuần loài sang rừng hỗn giao có tỷ lệ cây thân gỗ hợp lý" tại Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 29/6/2018.

- Tính đến nay đã có 04 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật và 02 bệnh viện đã hoàn thành xử lý ô nhiễm trong số các cơ sở gây ONMT nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 15/5/2014.

- Tuy nhiên, một số dự án chưa được triển khai như: Dự án điều chỉnh quy hoạch BVMT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trước mắt chưa thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7017/UBND-NN ngày 30/6/2016 do quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đang trong quá trình lựa chọn đơn vị tư vấn. Hai nhiệm vụ đánh giá khả năng sức chịu tải của 04 hệ thống sông (*sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Hoạt*) và Điều tra, thống kê, phân loại và lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến nay chưa được triển khai.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT ở cấp cơ sở chưa được thường xuyên, liên tục còn mang tính thời điểm, chỉ tập trung vào các ngày lễ về môi trường; nhận thức và trách nhiệm của một số cơ sở, doanh nghiệp về

BVMT chưa cao, coi trọng lợi ích trước mắt về kinh tế mà xem nhẹ công tác BVMT còn khá phổ biến.

- Công tác phối hợp trong quản lý nhà nước giữa các cấp, ngành trong triển khai thực hiện các mục tiêu Kế hoạch hành động 135/KH-UBND còn hạn chế, lỏng lẻo.

- Công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ hiện đại còn hạn chế, chưa thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, biện pháp xử lý chủ yếu hiện nay là chôn lấp, không đảm bảo vệ sinh (cơ bản diễn ra ở hầu hết các huyện, thị, thành phố).

- Quá trình thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý CTR sinh hoạt theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2021 còn gặp nhiều khó khăn, các dự án được hưởng cơ chế chính sách hỗ trợ còn rất hạn chế;

- Việc xây dựng các công trình xử lý chất theo như cam kết trong hồ sơ về môi trường đã được phê duyệt và xác nhận còn thấp hoặc chưa đầu tư xây dựng đồng bộ hoặc có xây dựng nhưng không đúng tiêu chuẩn, kích thước, không vận hành thường xuyên, chất thải chưa được thu gom và xử lý triệt để hoặc thải trực tiếp ra môi trường.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác BVMT ở các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu (*xây dựng riêng biệt hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt, nước thải sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải tập trung; khu tập kết, trung chuyển tạm thời chất thải rắn sinh hoạt*); việc lập các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt cho dân cư đô thị triển khai còn chậm.

- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch còn thấp. Nhiều trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại không hợp vệ sinh, chất thải chăn nuôi không được xử lý triệt để gây ô nhiễm môi trường cục bộ. Công tác thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn chưa triệt để, tình trạng sử dụng lạm phát hóa chất BVTV, phân bón cho cây trồng còn diễn ra.

- Việc ứng dụng, phổ biến, nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải với chi phí thấp trong xử lý chất thải khu vực nông thôn, đặc biệt các mô hình về xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và chất thải đồng ruộng, tái sử dụng chất thải nông nghiệp và công tác thẩm định và lựa chọn các công nghệ trong dự án đầu tư, trong đó, ưu tiên và tạo điều kiện cho các công nghệ tiên tiến, tiêu tốn ít năng lượng, công nghệ xanh, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường còn hạn chế.

## **2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Nhận thức về BVMT của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân về BVMT nhìn chung có chuyển biến nhưng chưa đầy đủ, chưa chuyển thành ý thức và hành động cụ thể.

- Ý thức chấp hành pháp Luật về BVMT của một số cơ sở, doanh nghiệp còn kém, vì chạy theo lợi nhuận mà chưa chú ý đến công tác xử lý chất thải; chưa thực hiện nghiêm túc công tác xử lý chất thải theo Báo cáo ĐTM, cam kết BVMT/kế hoạch BVMT, đề án BVMT đã được phê duyệt dẫn đến chất thải còn vượt quy chuẩn, gây ô nhiễm môi trường; vi phạm trong lĩnh vực BVMT ngày càng tinh vi, khó phát hiện, mức độ vi phạm có tính nghiêm trọng; Các cơ sở sản xuất công nghiệp hầu hết có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu thiếu nguồn vốn để đầu tư, cải tạo trang thiết bị hoặc thay đổi công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường;

- Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức làm công tác BVMT ở các cấp còn nhiều hạn chế, số lượng cán bộ ít, trang thiết bị hỗ trợ cho công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật BVMT chưa được thực hiện thường xuyên. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về vấn đề môi trường có lúc, có nơi xử lý vi phạm chưa cương quyết; việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT thực hiện chưa nghiêm.

- Trách nhiệm trong phần đầu hoàn thành nhiệm vụ, giải quyết công việc được giao ở một số cán bộ chưa cao, còn chưa chủ động tham mưu, còn chờ vào sự hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên; công tác tham mưu còn hạn chế, chưa chủ động trong tham mưu ban hành văn bản mang tầm chiến lược.

- Ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn, nhiều chương trình, dự án được ban hành kèm theo các Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết chưa được triển khai thực hiện; đầu tư cho BVMT vẫn còn ở mức thấp; nhiều dự án đã được phê duyệt nhưng thiếu kinh phí để thực hiện, đặc biệt là các dự án về xử lý chất thải rắn, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích; các KCN, CCN, làng nghề chưa được đầu tư các công trình xử lý chất thải tập trung; quy hoạch đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác BVMT chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội;

- Tiến độ triển khai dự án khu liên hợp xử lý CTR tại 05 khu xử lý trọng điểm của tỉnh của các nhà đầu tư rất chậm, ảnh hưởng đến chỉ tiêu thu gom, xử lý CTR sinh hoạt của toàn tỉnh.

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đề xuất giải pháp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 05/NQ-TU**

##### ***1.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, giáo dục***

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông, tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, người dân về công tác BVMT; tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về BVMT và phát triển bền vững đến quần chúng nhân dân.

- Tiếp tục phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh tổ chức các phong trào thi đua, vận động, hội thi, mit-tinh, cổ động về công tác vệ sinh và BVMT.

- Tuyên dương, khen thưởng những hành động tốt, tấm gương tốt về BVMT và có hình thức xử lý đối với hành vi gây hủy hoại môi trường

- Chỉ đạo đưa nội dung bảo vệ môi trường vào nội quy của cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể và hương ước của thôn, bản để thực hiện;

- Nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thông qua việc tuyên truyền đối với các ngành, các cấp, các doanh nghiệp về lợi ích của sản xuất sạch hơn về mặt kinh tế - môi trường; xây dựng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn để nhân rộng trong hoạt động sản xuất công nghiệp; đào tạo cán bộ chuyên môn, chuyên gia trong lĩnh vực sản xuất sạch hơn hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện;

### **1.2. Nhóm giải pháp về chủ trương, cơ chế chính sách**

- Nâng cao chất lượng tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh về BVMT.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ xử lý CTR sinh hoạt, giai đoạn 2019-2025 thay thế Nghị quyết số 28/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021;

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ thu hút doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải, tái chế, tái sử dụng chất thải nông nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động BVMT; hỗ trợ đầu tư cho các dự án, chương trình về công tác BVMT.

- Huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư cho BVMT; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ về BVMT. Đảm bảo mức chi cho sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm của tỉnh; kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho BVMT như: thúc đẩy hiệu quả hợp tác công tư trong đầu tư BVMT; quy định mức chi cho BVMT theo tỷ lệ vốn đầu tư của các dự án.

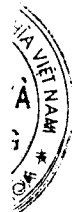
- Đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác BVMT gắn với quy hoạch đô thị, các KCN, CCN, làng nghề, khu sản xuất tập trung.

### **1.3. Nhóm giải pháp về chỉ đạo, điều hành**

- Tăng cường công tác quản lý, xử lý rác thải, nước thải, xử lý ô nhiễm môi trường tại các KCN, CCN, làng nghề.

- Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật BVMT; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ làm công tác BVMT các cấp.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện công tác BVMT tại nơi mình công tác.



- Đôn đốc các chủ đầu tư triển khai sớm các dự án khu liên hợp xử lý CTR tại 05 khu xử lý trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch.

#### **1.4. Nhóm giải pháp về kiểm tra, giám sát**

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; yêu cầu các Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn;

- Rà soát hoạt động của các Doanh nghiệp trong cụm công nghiệp ở khu vực đầu nguồn các con sông như sông Mã, sông Chu; phát hiện sớm và kịp thời xử lý nghiêm những cơ sở sản xuất, kinh doanh, đơn vị thi công không tuân thủ pháp luật BVMT, có hành vi gây ô nhiễm môi trường;

- Kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng và buộc các đơn vị vi phạm phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường theo quy định.

### **2. Những đề xuất, kiến nghị**

#### **2.1. Đề nghị HĐND tỉnh:**

- Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết và giám sát chuyên đề về quản lý nhà nước về BVMT đối với các cấp, các ngành.

- Xem xét điều chỉnh, bổ sung và sửa đổi cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2021 theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm thực hiện tốt hơn công tác quản lý, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

#### **2.3. Đề nghị UBND tỉnh**

- Chỉ đạo các Sở: Nội vụ; Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện nghiên cứu để hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về BVMT từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã theo Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 10/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường từ trung ương đến địa phương giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhóm dự án ưu tiên theo Kế hoạch hành động số 135/KH-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh;

- Chỉ đạo các Sở, ngành, UBND cấp huyện hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch số 135/KH-UBND và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

#### **Nơi nhận:**

- HĐND (để b/cáo);
- Lưu: VT, BVMT.



**Đào Trọng Quy**